

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/06/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+P1+P10	7:25	18+4+0	0+0+0		17+2+3	0+0+0	
2		VSP01+P3-P2	7:25	1+20	0+0		1+21+2	0+0	
3		P3+TD2+P1	9:25	11+3+0	0+0+0		8+9+5	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/06/2019	TO: TD2 - P1 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD2	76	1	5	50	78	KHOAN	Vietnamese
2	GROMOV S.A	TD2	77	1	11		84	KHOAN	Russian
3	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	82	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	74	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2	73	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ ANH QUÂN	TD2	75	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	79-80	2	8		79	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	90	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	83	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN ĐÀO	TD2	84	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	88	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
12	BUI THỊ DƯƠNG	TD2	87	1	10	24	61	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THỰC	TD2	85	1	7		84	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ XUÂN TÙNG	TD2	78	1	15		66	ANTOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN DƯ	TD2	81	1	3		60	DVL	Vietnamese
16	HOÀNG MẠNH HÙNG	TD2	92	1	3		85	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG	TD2	91	1	3		76	GETRACO	Vietnamese
18	ĐÌNH ANH DUNG	TD2	89	1	3		76	GETRACO	Vietnamese
19	VŨ VĂN TOÀN	P1	01	1	6		72	D-HANH	Vietnamese
20	HỒ NGỌC HÙNG	P1	16	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	MISHIN A.	P1	17	1	6		106	NIPI	Russian
22	BUI ĐÌNH PHI	P1	18	1	2		60	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	19	107	1.344	74	17		
2	P1	4	4	19	313	0	2		
3	P10	0	0	0	0	10	3		
TOTAL		22	23	126	1.657	84	22		
WEIGHT KG				126	1.657	84			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

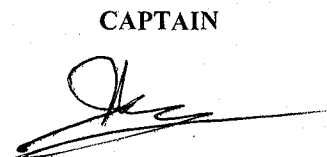
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/06/2019	TO: P3 - TD2 - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - DTùng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN KIM PHI HUNG	P3	14-15	2	14		64	XAYLAP	Vietnamese
2	LE KHAC PHUONG	P3	07-08	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN HUY ANH	P3	03-04	2	20		91	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG DINH HOA	P3	98-99	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN BO	P3	01-02	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
6	TRUONG THE HUY	P3	11-12	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN TUAN LINH	P3	13	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
8	LE ĐANG TIEN	P3	05-06	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
9	VU THAI ANH	P3	16-17	2	10		68	XAYLAP	Vietnamese
10	VO QUOC TUAN	P3	10	1	12		85	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN VAN TOAN	P3	09	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐAU VAN XUAN	TD2	700	1	5		61	GETRACO	Vietnamese
13	DUONG VAN PHI	TD2	96	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
14	PHAM HUU MINH	TD2	97	1	5		65	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	11	19	164	767	0	11		
2	TD2	3	3	15	181	0	10		
3	CLO	0	0	0	0	24	1		
TOTAL		14	22	179	948	24	22		
WEIGHT KG				179	948	24			

GRAND TOAL: 1.147 KGS + 4 KG

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2019	TO: P3 - VSP01 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SADOVNICHENKO D.N	P3	98	1	10		100	KHOAN	Russian
2	DUONG DIEP PHI	P3					78	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN BA LUONG	P3					67	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH QUỐC TRƯỞNG	P3	59	1	10		70	GETRACO	Vietnamese
5	LÊ KIM SANG	P3	50	1	5		64	GETRACO	Vietnamese
6	VU THANH TIEN	P3	35	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
7	BUI NGOC LAM	P3	600	1	5	30	65	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC TUẤN	P3					71	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUỐC TUAN	P3	999	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	VU VAN DOANH	P3					68	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM QUANG NGU	P3	56-57	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG HAO	P3	51	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN QUYẾT TIẾN	P3	99	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN CHAN	P3	700	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN TUAN LONG	P3	2000	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN HUY HUNG	P3	54-55	2	17		60	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN MINH HIEU	P3	36	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM HAI LONG	P3	96-97	2	15		80	DVL	Vietnamese
19	PHẠM VĂN ĐẠM	P3	34	1	7		71	DVL	Vietnamese
20	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	P3	01,31	2	17		71	DVL	Vietnamese
21	ĐẶNG KHÁC DƯƠNG	VSP01	67-68	2	15	50	80	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	20	20	133	1.421	30	18		
2	VSP01	1	2	15	80	50	2		
3	P2	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	22	148	1.501	80	22		
WEIGHT KG				148	1.501	80			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/06/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+RC3+TD5	7:25	1+0+21	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYẾN 1 PAX TỪ P10- RC3
2		AMD+P6+BK5	7:25	21+1+0	0+0+0		9+5+8	0+0+0	
3		PPD+CLO+TD3	7:25	14+0+8	0+0+0		10+4+8	0+0+0	
4		CTK3+BK6+RP3	7:25	4+1+17	0+0+0		2+1+18	0+0+0	
5		RC5+TD5+TD3	9:25	6+7+9	0+0+0		4+8+10	0+0+0	
6		P8+P4	9:25	5+17	0+0		3+19	0+0	
7		RP2+P11+P6	9:25	3+0+19	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
8		PPD+P4	9:25	20+2	0+0		12+10	0+0	
9		TD2+P8	11:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
10		TTC3+TTC2+P4	11:25	5+5+11	0+0+0		5+5+12	0+0+0	
11		TGTH5+AMD	11:25	3+19	0+0		1+21	0+0	
12		BK4+VSP01	11:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
13		PPD+P1	13:25	17+5	0+0		9+13	0+0	
14		VSP01+IS2+P8	13:25	7+11+2	0+0+0		5+5+12	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY PPD 4 NG.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2019	TO: P10 - RC3 - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - Thanh - THU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. KHANH TOAN	P10	99	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	VU TRONG HACH	TD5	42	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
3	TO DINH TU	TD5	44	1	5		70	YTE	Vietnamese
4	HO HOAN KIEM	TD5	38	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TAN TAI	TD5	40	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
6	BAO NGUYEN LOC	TD5	36	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HOA	TD5	32	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN BA HOA	TD5	27	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH ANH TRUONG	TD5	37	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG NHAT QUANG	TD5	39	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN HANH	TD5	43	1	5	60	85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC THACH	TD5	26	1	5		55	D-HANH	Vietnamese
13	VU ANH TUAN	TD5	46	1	10		66	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYEN HUU TRIET	TD5	35	1	10		65	DVL	Vietnamese
15	DINH VAN DONG	TD5	30-31	2	15		56	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN TUAN DUONG	TD5	50-51	2	10		70	DVL	Vietnamese
17	TRAN VAN MANH	TD5	38	1	12		70	DVL	Vietnamese
18	TRAN QUOC HUONG	TD5	34	1	5		100	DVL	Vietnamese
19	TRAN TRUNG THANG	TD5	48	1	5		75	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THAO	TD5	28	1	5		76	PSV	Vietnamese
21	DANG VAN THUAN	TD5	29	1	5		88	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN DANG NGOC	TD5	41	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	1	1	5	75	0	0	+1	CHUYEN 01 PAX TU P10 SANG RC3
2	RC3	0	0	0	0	45	0		
3	TD5	21	23	135	1.488	60	22		
TOTAL		22	24	140	1.563	105	22		
WEIGHT KG				140	1.563	105			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/06/2019	TO: AMD - P6 - BK5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN DAI NGHIA	AMD	02-03	2	14	50	71	HLJOC	Vietnamese
2	NGO SY DUC	AMD	45	1	15		88	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN VO BA LINH	AMD	47-48	2	15		76	HLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH DUY	AMD	39	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG CHI PHONG	AMD	38	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
6	DOAN TAN TRI	AMD	49	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH TRUONG PHI	AMD	34	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN THANH NGOAN	AMD	50,01	2	12		88	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN TU	AMD	46	1	11		61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH CU	AMD	31-32	2	18		64	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN QUANG	AMD	29	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LE ANH MINH	AMD	43	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DUC TRUNG	AMD	33	1	7		54	KH-THAC	Vietnamese
14	LE PHONG VIEN (PVDI)	AMD	35-36	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DAN	AMD	28	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG DINH VINH	AMD	40-41	2	16		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DUC CUONG	AMD	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LA NGOC MANH (PVDI)	AMD	30	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN KHAC CHINH	AMD	37	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN THUY (PVDI)	AMD	44	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM TUAN ANH	AMD	04-05	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese
22	KIRICHENKO S.P	P6	47	1	5	10	75	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	28	196	1.434	50	9		
2	P6	1	1	5	75	10	5		
3	BK5	0	0	0	0	50	8		
TOTAL		22	29	201	1.509	110	22		
WEIGHT KG				201	1.509	110			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

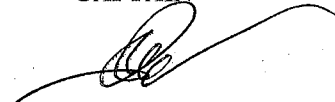
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2019	TO: PPD - CLO - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: QViệt - Vận - PTUẤN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	PPD	11	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
2	PHẠM QUANG TÀ	PPD	12	1	4		74	D-HANH	Vietnamese
3	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	PPD					77	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ XUÂN MINH	PPD	04	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG VINH	PPD	01	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TÀI	PPD	06	1	7		72	KHI	Vietnamese
7	ĐƯƠNG CHI TUYẾN	PPD	08	1	5	70	68	KHI	Vietnamese
8	TRỊNH VĂN CUÔNG	PPD	09	1	6		69	KHI	Vietnamese
9	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	10	1	5		69	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	07	1	5		78	KHI	Vietnamese
11	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	05	1	7		70	KHI	Vietnamese
12	SAVELEV	PPD	02	1	10		114	NIPI	Russian
13	LY XUAN TRUNG	PPD	13-14	2	15		66	Y TE	Vietnamese
14	GALLIAMOV	PPD	03	1	4		77	KH-THAC	Russian
15	ĐẶNG VĂN HẠ	TD3	89	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG HOÀ	TD3	87-88	2	15		69	KHOAN	Vietnamese
17	HỒ XUÂN TUYẾN	TD3	90	1	9		71	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM HAI ĐĂNG	TD3	86	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN TUẤN ANH	TD3	400	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ VĂN KHOA	TD3					73	KHOAN	Vietnamese
21	VÔ VĂN DŨNG	TD3					89	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	85	1	5		76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	14	14	80	1.059	70	10		
2	CLO	0	0	0	0	20	4		
3	TD3	8	7	44	600	0	8		
TOTAL		22	21	124	1.659	90	22		
WEIGHT KG				124	1.659	90			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/06/2019	TO: CTK3 - BK6 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TTrung - Khang - NNam	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM HUU TUNG	CTK3					82	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	61	1	5	20	85	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN THANG	CTK3	62	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
4	LE HUY BAC	CTK3	63	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TRONG	BK6	48	1	10	40	72	KH-THAC	Vietnamese
6	REVIKIN V.N	RP3	76	1	10		95	KHI	Russian
7	NGUYEN CHINH THI	RP3	74	1	5		72	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG NAM	RP3	66	1	7		81	KHI	Vietnamese
9	LE NHU NGUYEN	RP3	72-73	2	12		65	KHI	Vietnamese
10	HA VAN THUY	RP3	63	1	5		74	KHI	Vietnamese
11	PHAM VAN KY	RP3	64	1	3		66	KHI	Vietnamese
12	HOANG VAN HAI	RP3	81	1	5		64	KHI	Vietnamese
13	VÔ ĐON LONG	RP3	65	1	6	69	68	KHI	Vietnamese
14	BUI VAN PHU	RP3	67	1	4		74	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VIET KY	RP3	71	1	3		68	KHI	Vietnamese
16	PHAM HONG LINH	RP3	68	1	3		74	KHI	Vietnamese
17	TRAN VUONG HUNG	RP3					81	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HIEN	RP3	75	1	6		67	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN KHAC CUONG	RP3	78	1	6		73	CODIEN	Vietnamese
20	LUONG THE HIEN	RP3	77	1	5		63	NIP	Vietnamese
21	PHAM VAN TU	RP3	70	1	5		56	PSV	Vietnamese
22	NGO DUC BOON	RP3	69	1	7		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

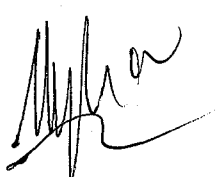
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	4	3	16	301	20	2		
2	BK6	1	1	10	72	40	1		
3	RP3	17	17	92	1.216	69	18		
TOTAL		22	21	118	1.589	129	21		
WEIGHT KG				118	1.589	129			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

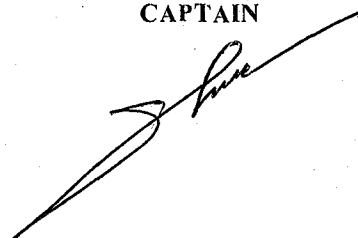
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2019	TO: RC5 - TD5 - TD3	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VThắng - Thanh - THỤ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	RC5	76	1	7	35	75	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN TUẤN ANH	RC5	73	1	12		62	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐUNG	RC5	75	1	11		58	DVL	Vietnamese
4	VÔ CHÍ THANH	RC5	81	1	12		74	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	RC5	77-78	2	16		66	DVL	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN CHUNG	RC5	74	1	14		70	DVL	Vietnamese
7	TRẦN MINH HÙNG	TD5	33	1	5		84	PSV	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC HÙNG	TD5	35	1	7		70	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG LONG	TD5	36	1	3		72	PSV	Vietnamese
10	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5					62	PSV	Vietnamese
11	PHẠM QUANG HUY	TD5	28	1	5		65	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG MINH	TD5	34	1	5		85	PSV	Vietnamese
13	LƯƠNG ANH HAI	TD5	1000	1	6		54	PSV	Vietnamese
14	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	93	1	2		66	KHOAN	Vietnamese
15	KHUAT QUANG KIẾN	TD3	94	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ HÙNG ANH	TD3	91	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	95	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NAM (ĐP)	TD3	97	1	15		75	DVL	Vietnamese
19	TRƯƠNG ĐÌNH VINH	TD3	98	1	9		79	DVL	Vietnamese
20	LÊ VĂN BAO	TD3	96	1	10		62	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG PHƯƠNG	TD3	92	1	5		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	6	7	72	405	35	4		
2	TD5	7	6	31	492	0	8		
3	TD3	8	8	56	564	0	10		
TOTAL		21	21	159	1.461	35	22		
WEIGHT KG				159	1.461	35			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2019	TO: P8 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - Luy	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KIM SƠN	P8	59-60	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÂM	P8	61-62	2	15		65	YTE	Vietnamese
3	BAMBUROV E.N	P8	58	1	10	90	100	KH-THAC	Russian
4	LÊ TRƯỜNG SA	P8	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN KIM CUÔNG	P8	63	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
6	YAKIMENKO V.A.	P4	45-46	2	10		110	KHI	Russian
7	ZAGYDAEV V.E	P4	47-48	2	10		75	KHI	Russian
8	NGUYỄN VĂN NAM	P4	37	1	3	30	60	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	42	1	2	20	70	KHI	Vietnamese
10	PHẠM QUỐC DUY	P4	39	1	3		62	KHI	Vietnamese
11	LÊ VĂN HOÀN	P4	41	1	2		69	KHI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN PHÚC	P4	44	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	TRẦN ĐẠI	P4	38	1	8		73	KHI	Vietnamese
14	LÊ VĂN MẠNH	P4					57	KHI	Vietnamese
15	DUƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	40	1	4		68	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH CANG	P4	43	1	4		72	KHI	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P4	35	1	5		76	KHI	Vietnamese
18	LƯU VĂN KHUÔNG	P4	49-50	2	10		73	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU LUÂN	P4	53	1	6		70	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THÈ	P4	51-52	2	10		72	KHI	Vietnamese
21	PHẠM LÊ NGỌC LONG	P4	57-58	2	13		65	KHI	Vietnamese
22	PHẠM TU ANH	P4	36	1	10		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	5	7	42	358	90	4		
2	P4	17	21	105	1.212	50	18		
TOTAL		22	28	147	1.570	140	22		
WEIGHT KG				147	1.570	140			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/06/2019	TO: RP2 - P11 - P6	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: QViệt - Vận - PTUẤN	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRUNG HIỆP	RP2	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯỜNG ANH TÚ	RP2	09	1	7	25	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU NHÂN	RP2	06	1	5		82	NIPI	Vietnamese
4	TRAN BUI TOAN	P6	99	1	6		58	KHAI THAC	Vietnamese
5	PIATOV S.V	P6	78	1	5		92	KH-THAC	Russian
6	VU VAN HOAN	P6	76	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	THAI TRỌNG BÌNH	P6	98	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	84	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU NHÂN	P6					66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NHẬT THANH	P6	77	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HÀ DUY ĐỒNG	P6				30	90	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TIEN DUNG	P6	86	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐO VÂN TÙNG	P6					62	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HUY THAI	P6	894,897	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC AN	P6					70	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ XUÂN THANH	P6	85	1	6		100	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ QUANG MINH	P6					78	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG TRỌNG GIAO	P6	895	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HÙNG	P6	896	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN XUÂN KHANH	P6	87	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VINH QUANG	P6	82-83	2	14		70	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	3	3	17	217	25	0		
2	P11	0	0	0	0	0	3		
3	P6	18	15	84	1.330	30	19		
TOTAL		21	18	101	1.547	55	22		
WEIGHT KG				101	1.547	55			

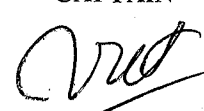
GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2019	TO: PPD - P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: TTrung - Khang - NNam	ETA: 11:40
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRUNG LAN	PPD	31	1	3		81	KHI	Vietnamese
2	NGO SY THANH	PPD	24	1	4		88	KHI	Vietnamese
3	VU VAN CHIEN	PPD	27	1	6		70	KHI	Vietnamese
4	LUONG MANH DUONG	PPD	26	1	8		65	KHI	Vietnamese
5	ĐOAN MANH TOAN	PPD					86	KHI	Vietnamese
6	LÊ THANH TRUNG	PPD	28	1	4		65	KHI	Vietnamese
7	ĐO VAN TUAN	PPD	33	1	7		76	KHI	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	23	1	5		55	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN ANH TU	PPD	22	1	10	55	77	KHI	Vietnamese
10	VU VAN SONG	PPD	19	1	4		72	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG SON	PPD	30	1	6		56	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	32	1	5		73	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC KHANH	PPD	25	1	4		60	PSV	Vietnamese
14	MOHD YUNS BIN MOHD NAFI	PPD	40	1	10	20	80	KHI	Malaysian
15	MUHAMMAD NAZREEN BIN ZULKIFLI	PPD	38	1	10	22	65	KHI	Malaysian
16	TRẦN HUNG	PPD	35	1	10	15	92	KHI	Vietnamese
17	VÔ QUỐC DŨNG	PPD	36-37	2	10		72	KHI	Vietnamese
18	VO VAN QUYEN	PPD	29	1	5		74	KHI	Vietnamese
19	LE DUC THANG	PPD	20	1	4		71	KHI	Vietnamese
20	NGO XUAN HUONG	PPD	21	1	3		76	KHI	Vietnamese
21	ĐINH MAI THIEN	P4	69	1	5	20	73	CODIEN	Vietnamese
22	PHI THANH HONG	P4	68	1	8		65	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	20	118	1.454	112	12		
2	P4	2	2	13	138	20	10		
TOTAL		22	22	131	1.592	132	22		
WEIGHT KG				131	1.592	132			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2019	TO: TD2 - P8	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Trường	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGỌC TỬ	TD2	02	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LẠI ANH TUÂN	TD2	04-05	2	15		100	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIỀN QUÝ	TD2	03	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI XUÂN TRƯỞNG	TD2	01	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM PHƯƠNG NAM	P8	74	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	P8	76	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	P8					70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO TIỀN ĐẠT	P8	82-83	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN THANH NAM	P8	79	1	5	10	74	KH-THAC	Vietnamese
10	PHUNG HA TAI	P8	75	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ANH TRI	P8	81	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC TẠNH	P8	73	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG HÒA	P8	72	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI QUÂN	P8	70	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BA HOÀNG	P8					65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VINH DUNG	P8	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LY THANH CHUÔNG	P8	77-78	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NHAN	P8	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8					78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	80	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIỀN VŨ	P8	85	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ VĂN MINH	P8	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	4	5	37	313	0	0		
2	P8	18	17	85	1.258	10	22		
TOTAL		22	22	122	1.571	10	22		
WEIGHT KG				122	1.571	10			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2019	TO: TTC3 - TTC2 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HỒ - CHIẾN - Năm	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	69	1	3	45	63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN BÁC	TTC3	70	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC3	68	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG TÂN	TTC3	72	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN TRUNG KIẾN	TTC3	71	1	3		67	PSV	Vietnamese
6	PHUNG MINH HIẾU	TTC2	80	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TTC2	94	1	5	25	53	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ PHƯƠNG	TTC2	99	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU VĂN AN	TTC2	93	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯU QUÝ TRUNG	TTC2	95	1	6		64	PSV	Vietnamese
11	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	P4	60-61	2	10		77	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ MINH ĐỨC	P4	62	1	8		68	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN THẾ HUY	P4	59	1	12		77	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	65	1	4		80	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NGHỊ	P4	68	1	3		67	PSV	Vietnamese
16	TRẦN THANH LIÊM	P4	64	1	6		66	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	70	1	5		81	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	P4	63	1	7		60	PSV	Vietnamese
19	PHẠM HỮU ANH	P4	69	1	5		56	PSV	Vietnamese
20	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4	67	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	66	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	5	5	15	322	45	5		
2	TTC2	5	5	26	309	25	5		
3	P4	11	12	68	767	0	12		
TOTAL		21	22	109	1.398	70	22		
WEIGHT KG				109	1.398	70			

GRAND TOAL: 1.577 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/06/2019	TO: TGTH5 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: QViệt - Vận - Toàn	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE HUY HOANG	TGTH5	92	1	10	22	68	HLJOC	Vietnamese
2	LE HOANG	TGTH5	90-91	2	15		64	HLJOC	Vietnamese
3	LE HAI HOA	TGTH5	95-96	2	12		75	HLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN MANH CAN	AMD	23	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VIET THANG	AMD	24-25	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH DUNG	AMD	22	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN MANH HUNG	AMD	13	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
8	DOAN MINH TUAN	AMD	14-15	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HIEP THANH	AMD	16	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LEM	AMD	21	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DUONG	AMD	19	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HONG SON	AMD	17-18	2	11	50	64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRUNG PHONG	AMD	20	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG TRONG DUNG	AMD	26	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
15	LE XUAN TUAN	AMD	27-28	2	15		57	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VAN THIEN	AMD	29	1	6		66	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC ĐANG	AMD	36	1	7		66	PSV	Vietnamese
18	PHAM VAN DUC	AMD	11-12	2	15		74	BAB	Vietnamese
19	NGUYEN DINH KHOI	AMD	30-31	2	15		63	HLJOC	Vietnamese
20	LE MANH THANG	AMD	34-35	2	8		56	HLJOC	Vietnamese
21	BUI NGUYEN THE PHIET	AMD	32-33	2	10		78	HLJOC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TINH	AMD	09-10	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	3	5	37	207	22	1		
2	AMD	19	28	196	1.267	50	21		
TOTAL		22	33	233	1.474	72	22		
WEIGHT KG				233	1.474	72			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2019	TO: BK4 - VSP01	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - Vũ	ETA: 13:50
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH ĐIỆP	BK4	99	1	5	25	72	CODIEN	Vietnamese
2	MAI XUÂN TUÔNG	BK4	98	1	5	143	60	CODIEN	Vietnamese
3	POPOV	VSP01	93	1	7		120	KH-THAC	Russian
4	ROMANOV	VSP01	83	1	5		110	KH-THAC	Russian
5	TRUBOCHKIN	VSP01	79	1	11		80	KH-THAC	Russian
6	BORVINSKY	VSP01	94	1	9		84	KH-THAC	Russian
7	VŨ QUANG THANH	VSP01	84	1	5		68	YTE	Vietnamese
8	ĐỖ ĐÌNH VĂN	VSP01	95	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN DỤC	VSP01	85	1	5	30	65	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VĂN SƠN	VSP01	80	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	82	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TÙNG	VSP01	89	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ THANH TUÂN	VSP01	81	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	87	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THANH	VSP01	96	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG PHÚC LƯƠNG	VSP01	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THUY	VSP01	100	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN BÁC	VSP01	86	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN VĂN TRƯỜNG	VSP01	92	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
21	HUYNH HAI	VSP01	91	1	3		94	KH-THAC	Vietnamese
22	TÔ HÙNG DUNG	VSP01	88	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	2	2	10	132	168	1		
2	VSP01	20	19	101	1.507	30	21		
TOTAL		22	21	111	1.639	198	22		
WEIGHT KG				111	1.639	198			

GRAND TOTAL: 1.948 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/06/2019	TO: PPD - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:00
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Trường	ETA: 15:40
NAU-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH VAN KIET	PPD	53-54	2	15		68	KHI	Vietnamese
2	ĐÀO THANH BÈN	PPD	49	1	7		56	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CAN	PPD	50	1	10		66	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN THANH SANG	PPD	51	1	7		63	KHI	Vietnamese
5	VU VAN SINH	PPD	52	1	6		80	KHI	Vietnamese
6	PHAN VAN SY	PPD	47	1	7		72	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN KHAC HIEP	PPD	62-63	2	13		71	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN QUAN	PPD	58-59	2	14		74	CODIEN	Vietnamese
9	PHAM THANH HAI	PPD	60-61	2	11		63	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THIEU	PPD	56	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
11	LƯƠNG ĐỨC GIANG	PPD	48	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HOANG	PPD	55	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
13	CHU TUAN ANH	PPD	57	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYEN CONG PHU	PPD	65	1	15		82	CODIEN	Vietnamese
15	DƯƠNG HUU THUAN	PPD	64	1	5	84	70	CODIEN	Vietnamese
16	VU VAN TIEN	PPD	45-46	2	11		69	PSV	Vietnamese
17	TRAN THI THANH	P1	19,52	2	21		65	PSV	Vietnamese
18	PHAN TRỌNG MINH	P1	21	1	5		67	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN THÔNG	P1	20	1	3	10	62	PSV	Vietnamese
20	PHAN VAN AN	P1	23	1	5		62	PSV	Vietnamese
21	LÊ PHƯỚC ĐỨC	P1	22	1	8		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

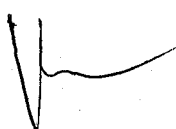
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	16	21	158	1.121	84	9		
2	P1	5	6	42	324	10	13		
TOTAL		21	27	200	1.445	94	22		
WEIGHT KG				200	1.445	94			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2019	TO: VSP01 - JS2 - P8	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:05
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: HUNG - CHIEN - Nam	ETA: 15:45
HONG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH TUAN	VSP01	81	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN THUY	VSP01	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH TAN DUNG	VSP01	77-78	2	15		88	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG NAM	VSP01	82-83	2	7	40	89	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DUY DONG	VSP01	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN THANH LOI	VSP01	80	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN THANH HA	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHUONG VAN MINH	JS2	62-63	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN TRUNG HIEU	JS2	60	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN LINH HOAT	JS2	58	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN SON TUNG	JS2					74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THUONG	JS2	61	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG VAN CUONG	JS2	57	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG THAI ANH	JS2	52	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM DINH TUAN	JS2	59	1	5	30	60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH DANH	JS2	54	1	7		55	CODIEN	Vietnamese
17	LE HUU TUONG	JS2	55-56	2	9		55	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HUNG	JS2					70	GETRACO	Vietnamese
19	NINH QUOC HOI	JS2	53	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN QUANG HUY	P8	01	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
21	DUONG TRI NAM	P8				30	79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	7	8	40	531	40	6		
2	JS2	12	12	75	829	30	5		
3	P8	2	1	3	136	30	11		
TOTAL		21	21	118	1.496	100	22		
WEIGHT KG				118	1.496	100			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN